

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HS-ST  
Ngày: 28 - 3 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Xuân Đào – Nguyên giáo viên, hiện công tác tại Hội khuyến học huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng – Cán bộ hưu trí.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Thành Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 và ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 189/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét **xử số 233/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2021** đối với:

**Bị cáo:** **Trần Văn N**, sinh ngày 12/11/2003, tại Long An; Nơi thường trú: Ô 3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L; Nghề nghiệp: làm mướn; Trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn C sinh năm 1969 và bà Phan Thị Á sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ, con; Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 137/2021/HS-ST ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt Trần Văn N 02 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản. Tiền sự; không. Bị cáo Trần Văn N đang chấp hành án hình phạt tù theo vụ án của Bản án số 137/2021/HS-ST nêu trên từ ngày 05/02/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

**Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn N:** Ông Trần Văn Cường, sinh năm 1969 (cha ruột, có mặt); Địa chỉ: Ô 4, Khu A, Thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L và bà Phan Thị Ân, sinh năm: 1971 (mẹ ruột, có mặt); Địa chỉ: Ô 4, Khu A, Thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L, Địa chỉ hiện nay: ấp H2, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

*Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn N:* Ông Lê Trung Trực – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở tư pháp tỉnh Long An, có mặt.

*- Bị hại:*

1. Ông Phạm Đình Thế T, sinh năm 1990;
2. Cháu Phạm Đình Đăng K, sinh năm 2006;

*Người đại diện hợp pháp của cháu K:* Ông Phạm Đình Thế T, sinh năm 1990 (cha). Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q và bà Phùng Ngọc M, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đ. Cùng địa chỉ tạm trú: Khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L. Ông T, bà Mai có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

1. Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện Đ, tỉnh L, vắng mặt.

2. Ông Trần Văn C, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ô3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L, có mặt

3. Bà Phan Thị Ǻ, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Ô 4, Khu A, Thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L, Có mặt

*- Người làm chứng:* Cao Đình T, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thị Thu H Phan Thành Q; vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 24 tháng 7 năm 2020, Trần Văn N không có giấy phép lái xe theo quy định điều khiển xe mô tô biển số 62T2-9996, dung tích xi lanh 107 cm<sup>3</sup> chở phía sau là bạn của N tên Khang không rõ nhân thân, lai lịch, lưu thông trên tỉnh lộ 825 theo hướng từ thị trấn Hậu Nghĩa về xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Khi đến đoạn đường thuộc ấp Sò Đo, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L thì N điều khiển xe lưu thông không đúng phần đường quy định (lấn tuyến sang trái hướng đi) để vượt qua một xe mô tô không rõ biển số và người điều khiển đang lưu thông cùng chiều phía trước, nên xe do N điều khiển va chạm vào xe mô tô biển số 53P2-1797 do ông Phạm Đình Thế T, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q điều khiển chở phía sau con ruột của ông T tên Phạm Đình Đăng K, sinh ngày 08/3/2016, lưu thông ngược chiều xe của N, gây ra tai nạn giao thông. Hậu quả hỏng nhẹ xe mô tô biển số 62T2-9996 và xe mô tô biển số 53P2-1797, N, Khang bị thương nhẹ, ông T và Khôi bị thương tích nặng, sau đó hồi phục sức khỏe.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hoà, tỉnh Long An tiến hành khám nghiệm hiện trường và khám nghiệm phương tiện trong vụ tai nạn giao thông ngày 24 tháng 7 năm 2020 xác định như sau:

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường còn nguyên vẹn, đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, mặt đường trải nhựa bằng phẳng, trời tối có đèn đường chiếu sáng, đường ẩm ướt, đường rộng 10m, không có vạch sơn ở giữa chia mặt đường thành hai chiều xe chạy.

Chọn lề đường bên trái theo hướng thị trấn Hậu Nghĩa về xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và chọn trụ điện số 229 nằm trong lề trái hướng từ thị trấn Hậu Nghĩa về xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An là điểm mốc cố định để đo các dấu vết, phương tiện, kết quả như sau:

Vị trí đánh số (01) là vết cày không liên tục trên mặt đường. Vết cày dài 1,2m và có chiều hướng từ thị trấn Hậu Nghĩa đi xã Tân Mỹ, chệch về bên trái. Đầu vết cày cách lề đường chuẩn 1,4m, cuối vết cày ở dưới gác chân trước bên phải của xe mô tô biển số 53P2-1797.

Vị trí đánh số (02) là xe mô tô biển số 53P2-1797 ngã sang phải trên mặt đường. Đầu xe hướng về xã Tân Mỹ và chệch về bên trái theo hướng thị trấn Hậu Nghĩa đi xã Tân Mỹ. Tâm trục bánh xe trước cách lề đường chuẩn 0,2m. Tâm trục bánh xe sau đo đến tâm đường Bàu Công giao nhau với lề đường bên trái hướng từ xã Tân Mỹ về thị trấn Hậu Nghĩa là 16,4m.

Vị trí đánh số (03) là xe mô tô biển số 62T2-9996 ngã sang phải trên mặt đường. Đầu xe hướng về thị trấn Hậu Nghĩa và chệch về bên trái theo hướng thị trấn Hậu Nghĩa đi xã Tân Mỹ. Tâm trục bánh xe sau cách lề đường chuẩn 0,9m. Tâm trục bánh xe trước nằm tại lề đường chuẩn, cách tâm trục bánh xe trước của xe (2) là 0,9m và đo đến điểm mốc cố định là 9,8m.

Vị trí đánh số (04) là vết máu không rõ hình dạng, kích thước 1,1m x 0,6m trên mặt đường. Tâm vết máu cách lề đường chuẩn 01m và đo đến tâm trục bánh xe trước của xe (2) là 3,8m

Kết quả khám nghiệm xe mô tô biển số 53P2-1797: Ốp mũ cao su của đèn tín hiệu bên trái và đèn chiếu sáng phía trước bên, đèn tín hiệu bên trái và đèn chiếu sáng phía trước bị bể, vè cao su trong bánh xe bên trái bể, đầu bên trái của động cơ để lại vết hở kim loại ánh kim, gác để chân trước bên phải để lại vết xước kim loại, cao su màu đen của giá để chân bị mài mòn.

Kết quả khám nghiệm xe mô tô biển số 62T2-9996: Ốp mũ cao su đèn chiếu sáng trước đầu xe bể, đèn chiếu sáng trước bên, vè chắn bùn cao su bánh xe trước gãy rời khỏi khung xe, 02 ống phuộc giảm sóc bánh xe trước cong lệch từ trước về sau.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 01/TNGT.21-PY ngày 20/01/2021 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Long An kết luận tình hình thương tích của Phạm Đình Thế T như sau: 02 sẹo vết thương lành vùng đầu bên phải kích thước lần lượt là 4cm x 0,5cm và 03cm x 0,5cm; máu tụ ngoài màng cứng thái dương hai bên; nứt xương thái dương phải; gãy xương cánh mũi, vách ngăn mũi; gãy thành trước xoang hàm phải và xoang hàm trái đã kết hợp xương; dập xuất huyết não và tụ máu dưới màng cứng vùng thái dương trái; màng nhĩ phải sơ hóa, mất tam giác sáng, thính lực giảm khoảng 4m; gãy thành hốc mắt hai bên; gãy xương hàm trên lefort I. Quyết định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Phạm Đình Thế T là 47%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 05/TNGT.21-PY ngày 05/5/2021 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Long An kết luận tình hình thương tích Phạm Đình Đăng K như sau: 01 sẹo vết thương lành vùng trán bên phải kích thước 6cm x 0,6cm, không dấu thần kinh khu trú; tổn thương da để lại sẹo vùng mí mắt dưới bên trái kích thước 01cm x 0,3cm; nứt lún nhẹ sọ trán phải kích thước khoảng 12mm x 09mm. Quyết định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Phạm Đình Đăng K là 20%.

Tại bản cáo trạng số 191/CT-VKS-ĐH ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà:

Bị cáo Trần Văn N khai nhận: Vào khoảng 20h 30 phút ngày 24/7/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 62T2-9996 chở theo phía sau là Khang do muốn vượt qua xe mô tô đi cùng chiều nên lấn qua làn đối diện, do chạy tốc độ cao nên không xử lý được nên va chạm vào xe mô tô 53P2-1797 do ông T điều khiển chở theo cháu nhỏ làm cho ông T, cháu K bị thương tích, bị cáo và Khang bị thương nhẹ. Bị cáo xác định ông T trước phiên tòa là người bị cáo gây ra tai nạn, bị cáo thừa nhận hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm về phụ giúp gia đình. Về phần trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường tiền thuốc, tiền chữa trị là 89.109.458 đồng theo yêu cầu của ông T. Đối với tiền xe đi lại 10.000.000 đồng, tiền ăn trong thời gian nằm tại bệnh viện và chăm bệnh 20.000.000 đồng và tiền bồi thường tổn thất tinh thần 150.000.000 đồng mà bị hại yêu cầu bồi thường bị cáo đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay gia đình bị cáo thuộc hoàn cảnh khó khăn sau khi thi hành án xong sẽ bồi thường cho bị hại. Ngoài ra đối với xe mô tô biển số 62T2-9996 do bị cáo mua của người không rõ nhân thân lai lịch đề nghị giao cho cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo để bồi thường một phần cho bị hại.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Văn N là bà Phan Thị A trình bày: Bà là mẹ ruột của bị cáo Trần Văn N. Bà thống nhất với hành vi phạm tội cũng lời thống nhất lời trình bày của Trần Văn N tại phiên tòa hôm nay. Về trách nhiệm hình sự bà đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N vì bị cáo N còn nhỏ tuổi, sớm về với gia đình vì hoàn cảnh gia đình còn khó khăn. Về trách nhiệm dân sự do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên gia đình không có khả năng bồi thường, việc bị hại yêu cầu bị cáo N bồi thường bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Văn N là ông Trần Văn C trình bày: Ông là cha ruột của bị cáo Trần Văn N. Ông thống nhất với lời trình bày của Trần Văn N về hành vi phạm tội của bị cáo N. Về trách nhiệm hình sự ông đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N vì bị cáo N còn nhỏ tuổi, hoàn cảnh gia đình còn khó khăn. Về trách nhiệm dân sự do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bị hại ông Phạm Đình Thế T trình bày: Vào khoảng 20h 30 phút ngày 24/7/2020, ông điều khiển xe mô tô biển số 53P2-1797 chở theo con ruột là Phạm Đình Đăng K thì va chạm với xe mô tô biển số 62T2-9996 do bị cáo N điều khiển. Nguyên nhân gây ra tai nạn là do bị cáo N vượt xe cùng chiều với tốc độ cao lấn tuyến sang phần đường của ông gây tai nạn. Tại phiên tòa ông xác định bị cáo N là người điều khiển phương tiện gây ra tai nạn cho ông với thương tích 47% và Đăng K 20%. Nay về phần trách nhiệm hình sự ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự ông yêu cầu bị cáo N bồi thường tiền thuốc, tiền chữa trị cho ông và cháu K do ông đại diện là 89.109.458đồng, tiền xe đi lại 10.000.000đồng, tiền ăn uống trong thời gian nằm tại bệnh viện và chăm bệnh 20.000.000đồng và tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho ông và cháu K do ông đại diện là 150.000.000đồng. Tổng cộng ông yêu cầu bị cáo N bồi thường 269.109.000đồng. Ngoài ra ông không có ý kiến gì khác.

Bà Phùng Ngọc M trình bày: Bà là vợ của ông Phạm Đình Thế T tại phiên tòa bà thống nhất theo ý kiến của ông T không bổ sung gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo ông Lê Trung T trình bày: Việc thu thập chứng cứ và trong quá trình giải quyết cơ quan điều tra đã giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Ông thống nhất với cáo trạng và trình bày luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Trần Văn N về hành vi phạm tội và điều luật được áp dụng như trên là hoàn toàn chính xác, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật không oan sai. Tuy nhiên, bị cáo N phạm tội khi chưa thành niên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và gia đình bị cáo có ông ngoại được hưởng chính sách như thương binh nên cần xem xét thuộc trường hợp là người có công với cách mạng. Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: Tiền thuốc tiền chữa trị là 89.109.458đồng bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi

nhận, còn các khoản bị hại yêu cầu bồi thường khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. đối với xe mô tô biển số 62T2-9996 do bị cáo mua của người không rõ nhân thân lai lịch đề nghị tịch thu bán để bồi thường một phần cho bị hại

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An phát biểu luận tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn N phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp các chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 24 tháng 7 năm 2020, Trần Văn N không có giấy phép lái xe theo quy định điều khiển xe mô tô biển số 62T2-9996, dung tích xi lanh 107 cm<sup>3</sup> chở phía sau là bạn của N tên K không rõ nhân thân, lai lịch, lưu thông trên tỉnh lộ 825 theo hướng từ thị trấn Hậu Nghĩa về xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Khi đến đoạn đường thuộc ấp Sò Đo, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L thì N điều khiển xe lưu thông không đúng phần đường quy định (lấn tuyến sang trái hướng đi) để vượt qua một xe mô tô không rõ biển số và người điều khiển đang lưu thông cùng chiều phía trước, nên xe do N điều khiển va chạm vào xe mô tô biển số 53P2-1797 do ông Phạm Đình Thế T điều khiển chở phía sau con ruột của ông T tên Phạm Đình Đăng K, sinh ngày 08/3/2016, lưu thông ngược chiều xe của N, gây ra tai nạn giao thông. Hậu quả hỏng nhẹ xe mô tô biển số 62T2-9996 và xe mô tô biển số 53P2-1797; N, Khang bị thương nhẹ, ông T và Khôi bị thương tích nặng. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Trần Văn N theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ như sau:

**Về tình tiết tăng nặng:** Bị cáo Trần Văn N phạm tội đối với người dưới 16 tuổi (bị hại Phạm Đình Đăng K lúc 04 tuổi 04 tháng 16 ngày) theo điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu theo bản án hình sự sơ thẩm số 137/2021/HS-ST ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xử phạt Trần Văn N 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa gia đình bị cáo có cung cấp giấy chứng nhận có ông ngoại là Phan Văn Kèn là người được hưởng chính sách như thương binh. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) có xem xét giảm nhẹ một phần khi áp dụng hình phạt cho bị cáo.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 90, Điều 91, Điều

101, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; xử phạt bị cáo Trần Văn N mức hình phạt từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về tang vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển số 62T2-9996 là tài sản hợp pháp của Trần Văn N, Viện kiểm sát đã ra Quyết định chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa quản lý theo quy định. Tại phiên tòa bị cáo có ý kiến đề nghị tịch thu bán để khắc phục bồi thường cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo, giao Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị hại.

Đối với 01 xe mô tô biển số 53P2-1797 là tài sản hợp pháp của ông Phạm Đình Thế T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa đã trả lại cho ông T theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 05/6/2021 là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: **ông Phạm Đình Thế T yêu cầu bị can Trần Văn N bồi thường** tiền thuốc, tiền chữa trị là 89.109.458 đồng bị cáo N đồng ý nên ghi nhận. Đối với tiền xe đi lại 10.000.000 đồng, tiền ăn trong thời gian nằm tại bệnh viện và chăm bệnh 20.000.000 đồng không có hóa đơn chứng từ chứng minh nên không chấp nhận. Về yêu cầu tiền bồi thường tổn thất tinh thần 150.000.000 đồng là quá cao nên đề nghị Tòa án tiền bồi thường tổn thất tinh thần đối với Phạm Đình Thế T là 20 và Phạm Đình Đăng K là 10 tháng lương tối thiểu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt bà Đỗ Thị N và những người làm chứng nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông, bản ảnh hiện trường, bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 01/TNGT.21-PY ngày



20/01/2021 và số 05/TNGT.21-PY ngày 05/05/2021 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Long An, và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 24 tháng 7 năm 2020, bị cáo Trần Văn N không có giấy phép lái xe theo quy định điều khiển xe mô tô biển số 62T2-9996, dung tích xi lanh 107cm<sup>3</sup> chở phía sau là bạn của N tên K (không rõ nhân thân, lai lịch) lưu thông trên tỉnh lộ 825 theo hướng từ thị trấn Hậu Nghĩa về xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Khi đến đoạn đường thuộc ấp Sò Đo, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L thì N điều khiển xe lưu thông không đúng phần đường quy định (lấn tuyến sang trái hướng đi) để vượt qua một xe mô tô không rõ biển số và người điều khiển đang lưu thông cùng chiều phía trước, nên xe do N điều khiển va chạm vào xe mô tô biển số 53P2-1797 do ông Phạm Đình Thế T điều khiển chở phía sau con ruột của ông T tên Phạm Đình Đăng K, sinh ngày 08/3/2016 lưu thông ngược chiều xe của N, gây ra tai nạn giao thông. Hậu quả hỏng nhẹ xe mô tô biển số 62T2-9996 và xe mô tô biển số 53P2-1797, N bị thương nhẹ, ông T bị thương tích 47% và Khôi thương tích 20%.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây ra thiệt hại cho sức khỏe của người khác, đồng thời gây nên tâm lý bất an cho mọi người khi tham gia giao thông. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội được xác định là lỗi vô ý do cẩu thả. Bị cáo điều khiển xe mô tô trong khi bị cáo chưa có giấy phép lái xe. Bị cáo biết và pháp luật buộc bị cáo phải biết khi tham gia giao thông phải tuyệt đối tuân theo các quy định về luật giao thông đường bộ. Thế nhưng trong lúc điều khiển xe mô tô, bị cáo chưa có giấy phép lái xe, điều khiển xe mô tô không đi đúng phần đường là vi phạm khoản 9 Điều 8, Điều 13 và Điều 14 Luật giao thông đường bộ nên gây ra tai nạn giao thông, hậu quả làm cho ông Phạm Đình Thế T thương tích 47% và cháu Phạm Đình Đăng K thương tích 20%. Hành vi của bị cáo Trần Văn N đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Trần Văn N theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Tại khoản 2 điều 260 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 quy định như sau:

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:*

*a) Không có giấy phép lái xe theo quy định; ...*

Vì vậy, hành vi của bị cáo Trần Văn N cần được xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, có mức án phù hợp, mới có tác dụng trừng phạt, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:



[3.1]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị can Trần Văn N phạm tội đối với người dưới 16 tuổi (bị hại Phạm Đình Đăng Khôi lúc 04 tuổi 04 tháng 16 ngày) theo điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu theo bản án hình sự sơ thẩm số 137/2021/HS-ST ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xử phạt Trần Văn N 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” bị cáo đang chấp hành án.

[3.2]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo N thuộc trường hợp người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, tại phiên tòa bị cáo có cung cấp giấy chứng nhận ông ngoại Phan Văn Kền là người được hưởng chính sách như thương binh. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) có xem xét giảm nhẹ một phần khi áp dụng hình phạt cho bị cáo.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo Trần Văn N là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Trần Văn N đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và với mức hình phạt thấp nhất, Hội đồng xét xử ghi nhận khi quyết định hình phạt.

#### [4]. Về tang vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô biển số 62T2-9996 số máy VDGZS 152FMHWR-006095 số khung RNDWCH0ND91X-06095 là tài sản hợp pháp của Trần Văn N. N điều khiển phương tiện gây tai nạn tại phiên tòa bị cáo có ý kiến đề nghị tịch thu bán để khắc phục bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử trả lại xe cho bị cáo, giao Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị hại.

Đối với 01 xe mô tô biển số 53P2-1797 là tài sản hợp pháp của ông Phạm Đình Thế T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa đã trả lại cho ông T theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 05/6/2021 là phù hợp, ông T không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

#### [5]. Về trách nhiệm dân sự:

[5.1] Về số tiền bồi thường ông Phạm Đình Thế T yêu cầu bị cáo Trần Văn N bồi thường chi phí điều trị thương tích cho ông T và cháu K tổng cộng 89.109.458 đồng, tại phiên tòa bị cáo N đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với tiền xe ông T trình bày cho rằng thuê để đi thăm khám bệnh và chuyển viện tại các bệnh viện trong nhiều lần đi trong các ngày 20/8/2020, ngày 27/8/2020, ngày 04/9/2020, ngày 18/9/2020, ngày 25/9/2020, ngày 09/10/2020,

ngày 19/10/2020, ngày 28/10/2020, ngày 07/12/2020 và những ngày sau khi xuất viện. Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông T thương tích 47%, cháu K thương tích 20% nên việc xe chuyên viện, thuê xe thăm, tái khám đi lại là phù hợp nên ông T yêu cầu bị cáo N bồi thường 10.000.000đồng là hợp lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu bồi thường chi phí ăn uống là 20.000.000 đồng: Hội đồng xét xử thấy rằng chi phí ăn uống là nhu cầu thiết yếu hằng ngày của mỗi cá nhân, nếu không có sự việc xảy ra, Ông T cháu K cũng vẫn phải sử dụng chi phí này để phục vụ nhu cầu ăn uống hằng ngày của mình ngoài ra việc yêu cầu bồi thường của ông không có hóa đơn chứng từ để chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về yêu cầu tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho ông T và cháu K 150.000.000đồng: Hội đồng xét xử thấy rằng đối với yêu bồi thường tổn thất tinh thần, căn cứ theo Khoản 2 Điều 590 BLDS 2015 với trường hợp sức khỏe bị xâm phạm thì mức bồi thường tối đa không quá 50 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định hiện mức lương cơ sở là 1.490.000đồng/1 tháng nên việc ông T yêu cầu 150.000.000đồng/2 người (75.000.000đồng/1 người) là vượt quá mức quy định của pháp luật. Mặt khác ông T bị thương tích 47% và cháu K là 20% nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét chấp nhận một phần yêu cầu theo mức bồi thường là 30 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định đối với ông T và 10 lần mức lương cơ sở đối với cháu K tổng cộng là 40 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Tổng cộng là 1.490.000đồng x 40 tháng lương tối thiểu = 59.600.000đồng.

Tổng cộng số tiền phải bồi thường cho bị hại ông T và cháu K (do ông T đại diện) là 89.109.458đồng + 10.000.000đồng + 59.600.000đồng = 158.709.000đồng (làm tròn).

[5.2]. Về trách nhiệm bồi thường: Khi phạm tội bị cáo N thuộc trường hợp người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi tuy nhiên đến thời điểm xét xử bị cáo N đã trưởng thành trên 18 tuổi. Tại phiên tòa ông Trần Văn Cường và bà Phan Thị Ân đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng ông T yêu cầu bị cáo N bồi thường nên cần buộc bị cáo N bồi thường tổng số tiền 158.709.000đồng là phù hợp theo quy định Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015).

[6]. Đối với người tên Khang ngồi sau xe mô tô do bị cáo N điều khiển gây tai nạn. Bị cáo N khai chỉ biết qua xã hội, không rõ địa chỉ cụ thể và vụ tai nạn Khang chỉ gây xây xước nhẹ; Cơ quan điều tra đã thông báo, xác minh đối với Khang nhưng không rõ nhân thân lai lịch nên không tiến hành làm việc được nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trần Văn N chịu 7.935.000 đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm i khoản 1 Điều 52 và Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 03 (ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ khoản 1 điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp với bản án hình sự sơ thẩm số 137/2021/HS - ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã tuyên bị cáo Trần Văn N 02 năm 06 tháng tù về tội cướp tài sản. Buộc bị cáo Trần Văn N phải chịu hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 02 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Trần Văn N bồi thường cho bị hại ông Phạm Đình Thế T (cũng là đại diện của cháu Phạm Đình Đăng K) tổng số tiền 158.709.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm lẻ chín ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thanh toán đủ số tiền bồi thường cho bị hại thì hằng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại cho bị cáo Trần Văn N một xe mô tô biển số 62T2-9996, số máy VDGZS152FMHWR-006095, số khung RNDWCH0ND91X-06095. Giao Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền bồi thường cho bị hại ông Phạm Đình Thế T (đồng thời là đại diện của cháu Phạm Đình Đăng K).

Vật chứng hiện đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 23-24/11/2021 ngày 24/11/2021.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.935.000 đồng (bảy triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo Trần Văn N, bà Phan Thị Ân, ông Trần Văn Cường, ông Phạm Đình Thế T và bà Phùng Ngọc Mai có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Ngân vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thành**